

ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG
HUYỆN ỦY BẢO LÂM

*

Số 606-CV/HU

*V/v báo cáo công tác nội chính,
phòng chống tham nhũng và cải cách
tư pháp Quý II-2022*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bảo Lâm, ngày 02 tháng 06 năm 2022

Kính gửi:


- Ủy ban nhân dân huyện,
- Ủy ban kiểm tra Huyện ủy,
- Các cơ quan khối Nội chính,
- Hạt Kiểm lâm huyện.

Căn cứ Hướng dẫn số 12-HD/BNCTW, ngày 27/6/2019 của Ban Nội Chính Trung ương và Công văn số 751-CV/HU, ngày 5/9/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện chế độ báo cáo công tác nội chính, phòng chống tham nhũng và cải cách tư pháp.

Thường trực Huyện ủy có ý kiến như sau:

1. Đề nghị UBND huyện, Ủy ban kiểm tra Huyện ủy, các cơ quan nội chính, Hạt kiểm lâm huyện báo cáo công tác nội chính, phòng chống tham nhũng và cải cách tư pháp Quý II; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm Quý III năm 2022 theo đề cương tại công văn 751-CV/HU, ngày 05/9/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy.

2. Báo cáo gửi về Thường trực Huyện ủy (qua Văn phòng Huyện ủy) bằng văn bản giấy (có ký và đóng dấu) và file Word qua địa chỉ Email: hubaolam@lamdong.gov.vn. trước ngày **20/06/2022** để tổng hợp và xây dựng báo cáo.

Rất mong các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy (để b/c),
- Như kính gửi,
- Lưu: VPHU, TH.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



K' Linh

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng
và cải cách tư pháp quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm

I- TÌNH HÌNH AN NINH, TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI, THAM NHŨNG

1. Những vấn đề nổi lên về an ninh

- Các thay đổi, điều chỉnh về chính sách, quy định của phía nước ngoài có tác động trực tiếp đến địa bàn tỉnh về quốc phòng, an ninh, kinh tế, đối ngoại, quản lý biên giới, cửa khẩu, quản lý xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh....

- Tình hình an ninh biên giới, an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng - văn hoá, an ninh nông thôn, an ninh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, an ninh tôn giáo, an ninh mạng, an ninh phi truyền thống...

2. Những vấn đề nổi lên về trật tự, an toàn xã hội (*tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật; các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phức tạp, đông người, kéo dài...*).

3. Khái quát về tình hình tham nhũng, tiêu cực, lãng phí (Áp dụng cho báo cáo 6 tháng, báo cáo năm).

4. Các vấn đề nổi cộm, bức xúc khác liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tham nhũng.

II- SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA CẤP ỦY ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC NỘI CHÍNH, PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP

1. Việc phổ biến, quán triệt, triển khai các văn bản của cấp trên; ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền để lãnh đạo, chỉ đạo công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, cải cách tư pháp và Quy định số 11-QĐi/TW¹.

2. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc của cấp ủy đảng đối với công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, cải cách tư pháp và Quy định số 11-QĐi/TW.

3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xử lý các vấn đề nổi cộm, phức tạp, bức xúc về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; các vụ việc, vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm; công tác triển khai thực hiện Chỉ thị số 26-CT/TW, ngày 09/11/2018 của Bộ Chính trị và các văn bản hướng dẫn.

III- KẾT QUẢ CÔNG TÁC NỘI CHÍNH, PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP

1. Kết quả công tác nội chính:

1.1. Kết quả công tác quân sự, quốc phòng địa phương.

1.2. Công tác bảo đảm an ninh:

1. Các nội dung đánh giá thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW: Chỉ yêu cầu đối với các huyện ủy, thành ủy và áp dụng cho báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng (báo cáo năm có biểu mẫu riêng).

- 1.2.1. Việc tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước về bảo đảm an ninh.
- 1.2.2. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa đối với hành vi xâm phạm an ninh.
- 1.2.3. Kết quả phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh.

1.3. Công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội:

1.3.1. Việc tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

1.3.2. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm.

1.3.3. Kết quả phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật, tội phạm và công tác thi hành án hình sự của ngành Công an.

1.3.4. Kết quả công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân.

1.3.5. Kết quả công tác xét xử của Tòa án.

1.3.6. Kết quả công tác thi hành án dân sự.

1.3.7. Kết quả công tác thanh tra; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; kết quả thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, giám sát;

1.3.8. Kết quả tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp.

(Kèm theo biểu thống kê kết quả giải quyết từng vụ việc).

1.4. Kết quả hoạt động của một số cơ quan có liên quan đến lĩnh vực nội chính, tư pháp (Cục Hải quan, Cục Quản lý thị trường, Chi cục Kiểm lâm...): *(công tác quản lý xuất nhập khẩu; kết quả thu ngân sách, chống thất thu, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng cấm; công tác quản lý, bảo vệ rừng...)*; kết quả phát hiện, xử lý các vụ việc có dấu hiệu của tội phạm.

1.5. Những vấn đề khác liên quan đến công tác nội chính.

2. Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực:

2.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

2.2. Kết quả thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2.2.1. Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

2.2.2. Xây dựng và thực hiện các quy chế, chế độ, định mức, tiêu chuẩn

2.2.3. Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

2.2.4. Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn.

2.2.5. Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt.

2.2.6. Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.

2.3. Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực:

2.3.1. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định.

2.3.2. Xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

2.4. Trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực:

2.4.1. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ thành viên.

2.4.2. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề.

2.4.3. Trách nhiệm của cơ quan báo chí, nhà báo.

2.4.4. Trách nhiệm của công dân, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám đầu tư của cộng đồng.

2.5. Công tác phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

2.6. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

2.6.1. Qua hoạt động kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2.6.2. Qua công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

2.6.3. Qua hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân.

2.6.4. Qua hoạt động thanh tra, kiểm toán.

2.6.5. Qua phản ánh, tố cáo.

2.6.6. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, kinh tế, chức vụ.

2.6.7. Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng.

2.6.8. Kết quả phát hiện các hành vi tiêu cực, lãng phí, vi phạm.

- Kết quả chuyển hồ sơ các vụ việc vi phạm có dấu hiệu tội phạm trong quá trình kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, thi hành án đến cơ quan điều tra có thẩm quyền để thụ lý, điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật².

- Kết quả phát hiện, xử lý kỷ luật hành chính, kỷ luật đảng hoặc xử lý hình sự đối với các trường hợp cán bộ, đảng viên vi phạm thuộc cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quản lý theo quy định³.

2. Kèm theo biểu thống kê từng vụ việc.

3. Đối với các trường hợp vi phạm, cần nêu rõ thông tin: Họ và tên, năm sinh, chức vụ, đơn vị công tác, đảng viên, thời gian vi phạm, hành vi, hậu quả thiệt hại, hình thức xử lý về đảng, chính quyền; ngày bị bắt, khởi tố, giam giữ, truy tố, xét xử, mức án (đối với trường hợp xử lý hình sự).

3. Kết quả công tác cải cách tư pháp⁴:

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp tại cơ quan, đơn vị, địa bàn trong kỳ báo cáo, tập trung vào các nội dung sau:

3.1. Tham gia góp ý xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các quy định pháp luật hình sự, dân sự và tố tụng tư pháp.

3.2. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp theo tinh thần cải cách tư pháp:

3.2.1. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện các hoạt động tư pháp trong lực lượng Công an.

3.2.2. Tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân.

3.2.3. Tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân.

3.2.4. Tổ chức và hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự.

3.3. Tổ chức và hoạt động của các chế định hỗ trợ tư pháp theo tinh thần cải cách tư pháp:

3.3.1. Tổ chức và hoạt động của đội ngũ luật sư và các tổ chức hành nghề luật sư.

3.3.2. Tổ chức và hoạt động của các tổ chức giám định tư pháp.

3.3.3. Tổ chức và hoạt động của các tổ chức hành nghề công chứng, chứng thực.

3.3.4. Tổ chức hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại (nếu có).

3.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh:

3.4.1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp.

3.4.2. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ tư pháp.

3.4.3. Công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động tư pháp và hỗ trợ tư pháp.

3.5. Công tác giám sát của cơ quan dân cử và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với cơ quan tư pháp:

3.5.1. Về giám sát của Hội đồng nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp.

3.5.2. Vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên, báo chí và người dân đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp.

3.6. Về đảm bảo cơ sở vật chất cho hoạt động tư pháp:

3.6.1. Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, nâng cấp các nhà tạm giữ, tạm giam; trang bị phương tiện phục vụ các hoạt động tư pháp.

3.6.2. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan tư pháp.

3.6.3. Về việc hỗ trợ kinh phí của địa phương cho hoạt động của các cơ quan

4- Các đơn vị không có nội dung liên quan, không thực hiện báo cáo nội dung này.

tư pháp.

3.7. Hợp tác quốc tế về tư pháp.

3.8. Những vấn đề khác liên quan đến công tác cải cách tư pháp.

4. Kết quả thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW

- Kết quả Bí thư huyện ủy, thành ủy; Bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn tiếp công dân; nêu rõ số cuộc, số lượt người, số vụ việc, số đoàn đông người được tiếp; nội dung chủ yếu công dân phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo. Kết quả chỉ đạo giải quyết (*Nêu rõ số vụ đã giải quyết dứt điểm; số vụ việc đang giải quyết; số vụ việc hướng dẫn người dân phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đến cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết*).

- Kết quả Bí thư huyện ủy, thành ủy; Bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn đối thoại trực tiếp với công dân (*Nêu rõ số cuộc, số lượt người, số vụ việc, số đoàn đông người được đối thoại; kết quả đối thoại*).

IV- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá khái quát những ưu điểm của công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, cải cách tư pháp và Quy định số 11-QĐi/TW trong kỳ báo cáo.

2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân:

2.1. Những hạn chế, yếu kém trong công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, cải cách tư pháp và Quy định số 11-QĐi/TW trong kỳ báo cáo.

2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

V- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Về sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng đối với công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, cải cách tư pháp và Quy định số 11-QĐi/TW.

2. Công tác bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

3. Việc thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; phát hiện, xử lý tham nhũng.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách tư pháp.

VI- KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị, đề xuất việc hoàn thiện các quy định của Đảng, Nhà nước về nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp.

2. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, cải cách tư pháp và thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW.

3. Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất.
